CÔNG TY CỔ PHẦN ILA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ..83../2026/CBTT	*Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP ILA thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng Công ty mẹ năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ Phần ILA**

Mã chứng khoán: ILA

Địa chỉ: 49 đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại liên hệ/Tel: 0782 168 168 Fax:

Email: info@ilagroup.com.vn Website: ilagroup.com.vn

Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

  ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

  ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

  ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

  + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

  Có ☐ Không ☒

  Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

  Có ☐ Không ☒

  + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

  Có ☒ Không ☐

  Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

  Có ☒ Không ☐

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có ☒ Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☒ Không ☐

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có ☐ Không ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có ☐ Không ☒

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/3/2026 tại đường dẫn: http://ilagroup.com.vn/co-dong/danh-muc/bao-cao-tai-chinh-16.html

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2025
- Văn bản giải trình số 84./2026/ILA-CV.GT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ILA
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ILA, L=TPHCM, UID=MST:0312933227, E=INFO@TRTGROUP.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.31 15:29:15+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.3.0

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

HOÀNG NHƯ HUẾ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

MỤC LỤC

----- oOo -----

		Trang
1.	BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
6.	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần ILA trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018.

Công ty Cổ phần ILA thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 18 ngày 22/12/2025 để cập nhật địa chỉ trụ sở chính sau sáp nhập đơn vị hành chính và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tên tiếng anh: ILA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ILA JSC

Mã chứng khoán: ILA

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Trụ sở chính: 49 Đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: 101/14 Đường số 11, Khu phố 34, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính riêng đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Xuân Phong	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Nhật Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Triều	Thành viên độc lập
Ông Lê Anh Thông	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Trần Minh Chương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Đặng Xuân Hữu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/4/2025)
Ông Võ Xuân Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/4/2025)

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Minh Triều	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15/7/2024)
Ông Võ Xuân Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/7/2024)

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Hoàng Như Huế	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05/12/2025)
Ông Đặng Xuân Hữu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/12/2025)
Ông Hoàng Minh Khánh	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 05/12/2025)
Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 05/12/2025)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng

Bà Hoàng Như Huế	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05/12/2025)
Ông Đặng Xuân Hữu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/12/2025)

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

5. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến Công ty và liên quan đến, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.

6. Phê duyệt báo cáo tài chính

Tôi đã phê duyệt báo cáo tài chính riêng (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Công ty

M.S.D.N: 0312933227 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ILA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hoàng Như Huế
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

MOORE AISC

MOORE AISC Auditing and Informatics Services Company Limited
389A Dien Bien Phu Street, Ban Co Ward
Ho Chi Minh City,
Viet Nam
T (8428) 3832 9129
F (8428) 3834 2957
E info@aisc.com.vn
www.aisc.com.vn

Số: A0625259-R /MOORE AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của **Công ty Cổ phần ILA** (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Branch in Ha Noi: 6th floor, 36 Hoa Binh 4 Str., Bach Mai Ward, Ha Noi City, Viet Nam T: (84.24) 3782 0045 F: (84.24) 3782 0048 E: hanoi@aisc.com.vn
Branch in Da Nang: 350 Hai Phong Str., Thanh Khe Ward, Da Nang City, Viet Nam T: (84.236) 374 7619 F: (84.236) 374 7620 E: danang@aisc.com.vn

MOORE AISC

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của **Công ty Cổ phần ILA** tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.4 - Thông tin về hoạt động liên tục trong bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo. Trong năm 2025, Công ty bị lỗ 15.155.133.086 VND dẫn đến lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 14.191.166.672 VND và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 47.114.596.496 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.4 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC

.....	.....
Lê Hùng Dũng	**Huỳnh Thị Bích Liễu**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2025-005-1	kiểm toán số: 3902-2022-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**12.690.161.767**	**3.682.145.665**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**34.632.654**	**2.149.229.150**
1. Tiền	111		34.632.654	2.149.229.150
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**12.598.508.836**	**1.475.996.399**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	513.224.179	317.910.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	332.784.657	483.636.399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	11.856.500.000	756.250.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(104.000.000)	(81.800.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**-**	**-**
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**57.020.277**	**56.920.116**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.161	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8b	56.920.116	56.920.116
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**170.883.788.547**	**229.814.784.891**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**-**	**-**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	*222*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**-**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.2**	**170.883.788.547**	**229.814.784.891**
1. Đầu tư vào công ty con	251		186.250.000.000	230.250.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.366.211.453)	(435.215.109)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**-**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**183.573.950.314**	**233.496.930.556**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.350.806.986**	**36.118.654.142**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.350.806.986**	**1.168.654.142**
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	273.751.280	997.589.520
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8a	2.837.375	114.835.044
4. Phải trả người lao động	314		67.764.123	38.193.759
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9a	6.454.208	18.035.819
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	1.000.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**34.950.000.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.9b	-	34.950.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**182.223.143.328**	**197.378.276.414**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.11**	**182.223.143.328**	**197.378.276.414**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		196.414.310.000	196.414.310.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*196.414.310.000*	*196.414.310.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.191.166.672)	963.966.414
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*963.966.414*	*1.190.175.309*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(15.155.133.086)*	*(226.208.895)*
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		**-**	**-**
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**183.573.950.314**	**233.496.930.556**

Hoàng Minh Khánh
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Hoàng Như Huế
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.085.873.145	7.353.804.654
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.085.873.145	7.353.804.654
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.487.462.571	5.982.570.857
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)**	**20**		**598.410.574**	**1.371.233.797**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		33.597	1.088.292.886
7.	Chi phí tài chính	22	VI.3	14.930.996.344	2.385.231.548
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	*1.950.016.439*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	24.970.948
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	656.618.271	378.271.887
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))**	**30**		**(14.989.170.444)**	**(328.947.700)**
11.	Thu nhập khác	31		19.228.020	484.868.433
12.	Chi phí khác	32	VI.5	185.190.662	382.129.628
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**(165.962.642)**	**102.738.805**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**		**(15.155.133.086)**	**(226.208.895)**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)**	**60**		**(15.155.133.086)**	**(226.208.895)**

M.S.D.N: 0312933227 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ILA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hoàng Minh Khánh
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Hoàng Như Huế
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**(15.155.133.086)**	**(226.208.895)**
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		14.953.196.344	50.133.268
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(1.088.243.836)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	-	1.950.016.439
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(201.936.742)**	**685.696.976**
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(11.144.812.598)	23.646.399.424
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		-	507.407.407
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(35.767.847.156)	11.687.908.134
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.950.016.439)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(605.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(47.114.596.496)**	**33.972.395.502**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		44.000.000.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.619.823.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**44.000.000.000**	**16.619.823.507**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	1.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	-	(51.300.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**1.000.000.000**	**(51.300.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	**50**		**(2.114.596.496)**	**(707.780.991)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**2.149.229.150**	**2.857.010.141**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**V.1**	**34.632.654**	**2.149.229.150**

CÔNG TY CỔ PHẦN ILA

Hoàng Minh Khánh
Kế toán trưởng/ Người lập biểu

Hoàng Như Huế
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần TRT được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312933227 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 18/9/2014.

Công ty Cổ phần TRT chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần ILA (sau đây gọi tắt là "Công ty") theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 01/3/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 12/3/2018.

Công ty Cổ phần ILA thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 18 ngày 22/12/2025 để cập nhật địa chỉ trụ sở chính sau sáp nhập đơn vị hành chính và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Tên tiếng anh: ILA JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: ILA JSC

Mã chứng khoán: ILA

Trụ sở chính: 49 Đường số 5, Khu đô thị An Phú An Khánh, phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: 101/14 Đường số 11, Khu phố 34, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Hoạt động chính của Công ty

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 03 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 03 nhân viên)

6. Cấu trúc doanh nghiệp

6.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	*Hoạt động kinh doanh chính*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*
Công ty Cổ phần ILA E&C Địa chỉ: 101/14 Đường Số 11, Khu Phố 34, Phường Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án.	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA Địa chỉ: 129 Tăng Bạt Hổ, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Khai thác mỏ và sản xuất các sản phẩm từ mỏ đá	98,00%	98,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT - BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT - BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

5. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

7. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, Công ty thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định (thông tư) của Bộ lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm 2025.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi ngân hàng.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí vay hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2025, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

13. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt	14.487.915	333.165.447
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.144.739	1.816.063.703
Cộng	**34.632.654**	**2.149.229.150**

2. Các khoản đầu tư tài chính : Xem thuyết minh trang 28 - 29.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**31/12/2025**		**01/01/2025**	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	366.074.562	-	121.080.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Đầu tư Xây dựng An Phúc Lâm	62.548.816	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Cáp nhựa Vĩnh Khánh	84.600.801	-	-	-
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Hoàng Mỹ	-	-	196.830.000	-
Cộng	**513.224.179**	**-**	**317.910.000**	**-**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	**31/12/2025**		**01/01/2025**	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển DNC	124.384.657	-	-	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC	100.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Tú Anh Modern House	74.000.000	(74.000.000)	74.000.000	(51.800.000)
Nhà cung cấp khác	34.400.000	(30.000.000)	409.636.399	(30.000.000)
Cộng	**332.784.657**	**(104.000.000)**	**483.636.399**	**(81.800.000)**

5. Phải thu khác ngắn hạn	**31/12/2025**		**01/01/2025**	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Phải thu khác là các bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	11.655.000.000	-	554.750.000	-
Phải thu khác	201.000.000	-	201.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuất nhập khẩu Hồng Phát	*201.000.000*	-	*201.000.000*	-
Ký cược, ký quỹ	500.000	-	500.000	-
Cộng	**11.856.500.000**	**-**	**756.250.000**	**-**

6. Nợ xấu: Xem thuyết minh trang 30.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	159.009.480	159.009.480	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Logistics Toàn Cầu	82.136.700	82.136.700	-	-
Công ty TNHH MTV HBA	-	-	997.589.520	997.589.520
Nhà cung cấp khác	32.605.100	32.605.100	-	-
Cộng	**273.751.280**	**273.751.280**	**997.589.520**	**997.589.520**

8. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	83.193.187	905.160.792	988.353.979	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.641.857	10.701.379	39.505.861	2.837.375
Cộng	**114.835.044**	**915.862.171**	**1.027.859.840**	**2.837.375**
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.920.116	-	-	56.920.116
Cộng	**56.920.116**	**-**	**-**	**56.920.116**

9. Phải trả khác	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn	**6.454.208**	**18.035.819**
Kinh phí công đoàn	6.454.208	6.454.208
Bảo hiểm xã hội	-	8.859.881
Bảo hiểm y tế	-	1.835.742
Bảo hiểm thất nghiệp	-	885.988
b. Dài hạn	**-**	**34.950.000.000**
Các khoản phải trả khác cho bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	-	34.950.000.000
Cộng	**6.454.208**	**34.968.035.819**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Vay ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh - bên liên quan - Xem thuyết minh VIII.3	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-

Thuyết minh khoản vay công ty

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
08/25/HĐV-AMA-ILA	06 tháng	Lãi suất vay kỳ hạn 06 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tại thời điểm tất toán khoản vay	1.000.000.000	Quyền hoán đổi một phần hoặc toàn phần giá trị khoản vay sang quyền sở hữu cổ phần

11. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**185.299.390.000**	**12.305.095.309**	**197.604.485.309**
Lỗ trong năm	-	(226.208.895)	**(226.208.895)**
Chia cổ tức	11.114.920.000	(11.114.920.000)	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	**196.414.310.000**	**963.966.414**	**197.378.276.414**
Số dư tại ngày 01/01/2025	**196.414.310.000**	**963.966.414**	**197.378.276.414**
Lỗ trong năm	-	(15.155.133.086)	**(15.155.133.086)**
Số dư tại ngày 31/12/2025	**196.414.310.000**	**(14.191.166.672)**	**182.223.143.328**

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	**Tỷ lệ vốn góp**	**31/12/2025**	**01/01/2025**
Vốn góp của các cổ đông			
Ông Võ Xuân Phong	20,23%	39.734.060.000	29.734.060.000
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh	21,05%	41.346.680.000	-
Cổ đông khác	58,72%	115.333.570.000	166.680.250.000
Cộng	**100,00%**	**196.414.310.000**	**196.414.310.000**

11. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	**Năm 2025**	**Năm 2024**
Vốn góp của chủ sở hữu	**196.414.310.000**	**196.414.310.000**
Vốn góp đầu năm	*196.414.310.000*	*185.299.390.000*
Vốn góp tăng trong năm	-	*11.114.920.000*
Vốn góp cuối năm	*196.414.310.000*	*196.414.310.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	11.114.920.000

d. Cổ phiếu	**31/12/2025**	**01/01/2025**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.641.431	19.641.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	19.641.431	19.641.431
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.641.431	19.641.431
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	*10.000*	*10.000*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Năm 2025**	**Năm 2024**
Doanh thu bán hàng hóa	8.085.873.145	7.353.804.654

2. Giá vốn hàng bán	**Năm 2025**	**Năm 2024**
Giá vốn của hàng hóa đã bán	7.487.462.571	5.982.570.857

3. Chi phí tài chính	**Năm 2025**	**Năm 2024**
Chi phí lãi vay	-	1.950.016.439
Dự phòng đầu tư tài chính	14.930.996.344	435.215.109
Cộng	**14.930.996.344**	**2.385.231.548**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**Năm 2025**	**Năm 2024**
Chi phí nhân viên	472.466.642	526.100.134
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.072.843
Chi phí dự phòng	22.200.000	(385.081.841)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	158.951.629	234.180.751
Cộng	**656.618.271**	**378.271.887**

5. Chi phí khác	**Năm 2025**	**Năm 2024**
Phạt chậm nộp thuế	41.566.338	374.714.494
Điều chỉnh thuế còn phải nộp	137.412.504	-
Các khoản khác	6.211.820	7.415.134
Cộng	**185.190.662**	**382.129.628**

6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	**Năm 2025**	**Năm 2024**
Chi phí nhân công	472.466.642	526.100.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	158.951.629	259.151.699
Chi phí dự phòng	22.200.000	(385.081.841)
Chi phí khác bằng tiền	3.000.000	3.072.843
Cộng	**656.618.271**	**403.242.835**

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**Năm 2025**	**Năm 2024**
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**(15.155.133.086)**	**(226.208.895)**
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**185.190.662**	**132.129.628**
Các khoản điều chỉnh tăng	185.190.662	382.129.628
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(250.000.000)
3. Thu nhập chịu thuế năm nay	**(14.969.942.424)**	**(94.079.267)**
4. Chuyển lỗ	**-**	**-**
5. Thu nhập chịu thuế sau chuyển lỗ	**-**	**-**
6. Thuế suất thuế TNDN hiện hành	**20%**	**20%**
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	**-**	**-**

(*) Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

8.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

8.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

8.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các khách hàng truyền thống, khách hàng tiềm năng và công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

8.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Dưới 1 năm*	*Từ 1-5 năm*	*Trên 5 năm*	*Tổng cộng*
Các khoản vay và nợ	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Phải trả người bán	273.751.280	-	-	273.751.280
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.454.208	-	-	6.454.208
Cộng	**1.280.205.488**	**-**	**-**	**1.280.205.488**
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Phải trả người bán	997.589.520	-	-	997.589.520
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.035.819	34.950.000.000	-	34.968.035.819
Cộng	**1.015.625.339**	**34.950.000.000**	**-**	**35.965.625.339**

8.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho mượn nợ hiện tại.

9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 31.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của khoản phải thu được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025	Năm 2024
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	1.000.000.000	-

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025	Năm 2024
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	(51.300.000.000)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính quan trọng nào khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần ILA E&C	Công ty con
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Công ty con
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Công ty con trước đây
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Công ty con đến ngày 22/8/2025 Công ty bên liên quan của Chủ tịch HĐQT sau ngày 22/8/2025
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Ông Võ Xuân Phong	Chủ tịch HĐQT
Bà Hoàng Như Huế	Tổng Giám đốc sau ngày 05/12/2025
Ông Đặng Xuân Hữu	Tổng Giám đốc đến ngày 05/12/2025
Bà Lê Thùy Trang	Vợ của Chủ tịch HĐQT

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025	Năm 2024
Công ty Cổ phần ILA E&C	Bán hàng hóa	1.661.254.590	2.871.433.784
	Thu tiền bán hàng	1.882.755.097	3.104.671.442
	Mua hàng hóa	147.231.000	-
	Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	554.750.000	484.750.000
	Cho mượn tiền	11.645.000.000	-
	Thu tiền cho mượn	5.460.000.000	200.000.000
	Ứng tiền xây văn phòng	-	5.325.000.000
	Thu lại tiền ứng trước do thanh lý hợp đồng	-	29.562.500.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Bán hàng hóa	6.134.441.920	1.573.780.000
	Thu tiền bán hàng	6.496.476.540	1.609.058.000
	Mượn tiền	-	15.390.000.000
	Trả tiền mượn	15.390.000.000	-
	Nhận cổ tức	-	250.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Cho mượn tiền	-	174.000.000
	Thu tiền cho mượn	-	174.000.000
	Chi hộ	-	30.000.000
	Thu tiền chi hộ	-	30.000.000
	Mượn tiền	865.000.000	19.560.000.000
	Trả tiền mượn	20.425.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Cho mượn tiền	5.470.000.000	620.000.000
	Thu tiền cho mượn	-	620.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh	Vay tiền	1.000.000.000	-
Ông Đặng Xuân Hữu	Chuyển nhượng phần vốn góp tại Vĩnh Khánh	2.330.600.000	-
Bà Lê Thùy Trang	Chuyển nhượng phần vốn góp tại Vĩnh Khánh	11.281.700.000	-

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Phải thu của khách hàng ngắn hạn		**31/12/2025**	**01/01/2025**
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Bán hàng hóa	366.074.562	121.080.000
Phải thu khác ngắn hạn		**31/12/2025**	**01/01/2025**
Công ty Cổ phần ILA E&C	Cho mượn tiền	6.185.000.000	554.750.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA	Cho mượn tiền	5.470.000.000	-
Cộng		**11.655.000.000**	**554.750.000**
Phải trả người bán ngắn hạn		**31/12/2025**	**01/01/2025**
Công ty Cổ phần ILA E&C	Mua hàng hóa	159.009.480	-
Phải trả khác dài hạn		**31/12/2025**	**01/01/2025**
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh	Mượn tiền	-	15.390.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo	Mượn tiền	-	19.560.000.000
Cộng		**-**	**34.950.000.000**
Vay ngắn hạn		**31/12/2025**	**01/01/2025**
Công ty TNHH Một thành viên Anh Minh Anh	Vay tiền	1.000.000.000	-
+ Thu nhập của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		**Năm 2025**	**Năm 2024**
Tổng Giám đốc		**175.403.739**	**291.330.228**
Bà Hoàng Như Huế	Lương, thưởng	15.500.000	-
Ông Đặng Xuân Hữu	Lương	159.903.739	291.330.228
Kế toán trưởng		**130.041.387**	**21.575.000**
Ông Hoàng Minh Khánh	Lương, thưởng	51.320.000	-
Ông Nguyễn Văn Phúc	Lương	78.721.387	21.575.000

Trong năm, Hội đồng quản trị của Công ty không nhận thù lao.

(Xem trang tiếp theo)

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2025, Công ty bị lỗ 15.155.133.086 VND dẫn đến lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2025 là 14.191.166.672 VND và dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm âm 47.114.596.496 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tổng Giám đốc Công ty đã có những đánh giá thận trọng, đưa ra các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty trong 12 tháng tiếp theo:

- Công ty sẽ đi theo định hướng kinh doanh mở rộng về mảng thương mại: vật liệu xây dựng như đá, cát, thép,… và mua bán đồng,… dự kiến năm 2026, doanh thu đạt 10.000.000.000 VND.

- Kế hoạch hoạt động của các công ty con, cũng được được cơ cấu và hoạt động có hiệu quả hơn trong năm 2026, bằng việc tiếp tục duy trì các công trình đã và sẽ ký hợp đồng, hoạt động khai thác mỏ đá đi vào khai thác đạt công suất cao hơn năm 2025.

- Công ty Cổ phần ILA E&C tiếp tục thi công tại dự án Green Valley City, Aqua City và các hợp đồng đã ký và dự kiến ký mới trong quý 2 năm 2026, kế hoạch ghi nhận doanh thu cho mảng xây dựng trong năm 2026 đạt tối thiểu là 40.000.000.000 VND đến 50.000.000.000 VND, lợi nhuận đạt tối thiểu là 3.000.000.000 VND.

- Với hoạt động khai thác đá Granite, Công ty con Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA đã hoàn thành giai đoạn đầu tư máy móc thiết bị khai thác và nhà máy chế biến. Vì chưa đạt hết công suất giấy phép khai thác nên năm 2026 doanh thu dự kiến ghi nhận từ 40.000.000.000 VND, lợi nhuận dự kiến đạt 8.000.000.000 VND.

- Trường hợp, các kế hoạch của Công ty trong năm 2026 diễn ra không thuận lợi, không đảm bảo kế hoạch thanh toán nợ thì tùy tình hình thực tế, Công ty sẽ áp dụng một trong các biện pháp khắc phục:

+ Công ty hỗ trợ: Các cổ đông hiện hữu cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty để thanh toán các khoản nợ đến hạn bằng hình thức cho vay;

+ Tăng vốn điều lệ: Công ty sẽ phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ Công ty.

Tổng Giám đốc tin rằng các đánh giá trên là đúng đắn, các kế hoạch được đưa ra là khả thi và Công ty vẫn tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

M.S.D.N: 0312933227-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ILA
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hoàng Minh Khánh	**Hoàng Như Huế**
Kế toán trưởng/ Người lập biểu	**Tổng Giám đốc**

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2026

V.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần ILA E&C (1)	88.250.000.000	(11.467.646.999)		88.250.000.000	-	
Công ty Cổ phần Khoáng sản ILA (2)	98.000.000.000	(3.898.564.454)		98.000.000.000	(435.215.109)	
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Phú Bảo (3)	-	-		19.000.000.000	-	
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh (4)	-	-		25.000.000.000	-	
Cộng	**186.250.000.000**	**(15.366.211.453)**		**230.250.000.000**	**(435.215.109)**	

(1) Căn cứ theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/5/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần ILA E&C ("ILA E&C"). ILA E&C được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310259362 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 9 năm 2010 và được thay đổi lần 8 vào ngày 10 tháng 3 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động kinh doanh chính là bán buôn kim loại và quặng kim loại, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, xây dựng thi công, công trình dự án. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại ILA E&C là 98% và khoản đầu tư đã được dự phòng theo đúng quy định. Báo cáo tài chính năm 2025 của ILA E&C đã được kiểm toán.

(2) Căn cứ theo Nghị quyết số 1309/NQ-HĐQT ngày 13/9/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần ILA đã thông qua việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bê tông Hưng Thịnh Bình Định ("Hưng Thịnh Bình Định"). Hưng Thịnh Bình Định được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101563415 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2020 và lần thay đổi gần đây nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2024 để đổi tên thành Công ty Cổ phần khoáng sản ILA (KS ILA), hoạt động kinh doanh chính là khai thác mỏ và sản xuất các sản phẩm từ mỏ đá. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại KS ILA là 98% và khoản đầu tư đã được dự phòng theo đúng quy định. Báo cáo tài chính năm 2025 của KSILA đã được kiểm toán.

(3) Công ty đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Kinh doanh thương mại Phú Bảo ("Phú Bảo") theo Nghị quyết số 29/2025/NQ/HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 02/4/2025 và các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký kết sau đó. Đến ngày 31/5/2025, Công ty đã hoàn tất thoái vốn toàn bộ tại Phú Bảo với tổng giá chuyển nhượng là 19.000.000.000 VND.

V.2. Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(4) Công ty đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Vĩnh Khánh ("Vĩnh Khánh") theo Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 27/5/2025 và các hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký kết sau đó. Theo Nghị quyết số 60/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 31/7/2025, Công ty đã thông qua hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp tại Vĩnh Khánh với người nội bộ và người liên quan người nội bộ. Theo đó, chuyển nhượng cho Bà Lê Thùy Trang - người liên quan của Ông Võ Xuân Phong - Chủ tịch Hội đồng quản trị với giá trị chuyển nhượng là 11.281.700.000 VND và chuyển nhượng cho Ông Đặng Xuân Hữu - Tổng Giám đốc trước ngày 05/12/2025 với giá trị chuyển nhượng là 2.330.600.000 VND. Đến ngày 22/8/2025, Công ty đã hoàn tất thoái vốn toàn bộ tại Vĩnh Khánh với tổng giá chuyển nhượng là 25.000.000.000 VND - Xem thuyết minh số VIII.3.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.6. Nợ xấu

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	**Giá trị có thể thu hồi**	**Đối tượng nợ**	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi**	**Đối tượng nợ**
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	**104.000.000**	**-**		**104.000.000**	**22.200.000**	
Công ty TNHH Tú Anh Modern House	74.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	74.000.000	22.200.000	Khoản phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	30.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	30.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

VI.9. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2025		31/12/2024		31/12/2025	31/12/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	513.224.179	(104.000.000)	317.910.000	(81.800.000)	409.224.179	236.110.000
- Phải thu khác	11.856.500.000	-	756.250.000	-	11.856.500.000	756.250.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	34.632.654	-	2.149.229.150	-	34.632.654	2.149.229.150
TỔNG CỘNG	**12.404.356.833**	**(104.000.000)**	**3.223.389.150**	**(81.800.000)**	**12.300.356.833**	**3.141.589.150**
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	1.000.000.000	-	-	-	-	-
- Phải trả người bán	273.751.280	-	-	-	273.751.280	-
- Phải trả khác	6.454.208	-	34.950.000.000	-	6.454.208	34.950.000.000
TỔNG CỘNG	**1.280.205.488**	**-**	**34.950.000.000**	**-**	**280.205.488**	**34.950.000.000**